

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 19-6-2019.
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Thạch**;

2/ Ông **Đỗ Thành Ngọc**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà **Trần Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST-**DS ngày 10-01-2019** về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **24/2019/QĐST-DS** ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Oai N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số nhà 416, ấp L, xã N, huyện H, tỉnh T

- Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số nhà 27/1^C, Tổ 20, ấp T, xã TT, huyện H, tỉnh T, (đang bị tạm giam tại trại tạm giam Tổng Lê Chân).

Anh Lê Phan Đức T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 27/1^C, Tổ 20, ấp T, xã TT, huyện H, tỉnh T.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-01-2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Châu Oai N trình bày:

Chị Bùi Thị T có làm chủ thảo nhiều dây hui và Chị Châu Oai N có tham gia chơi hui của chị T.

Hui 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 27-6-2015 (âm lịch) do chị T làm chủ thảo, chị N tham gia 01 phần. Dây hui này chị N đóng được 21 lần, sau đó chị T

không gom và tuyên bố vỡ hụi. Chị N đóng tiền hụi sống được số tiền là 13.890.000 đồng, theo hai bản án hình sự tuyên buộc chị T bồi thường cho chị N dây hụi này là 5.1750.000 đồng, còn lại 8.715.000 đồng, chị N khởi kiện yêu cầu chị T, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị N.

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 11-12-2015 (âm lịch) do chị T làm chủ thảo, chị N tham gia 01 phần. Dây hụi này chị N đóng được 16 lần, sau đó chị T không gom và tuyên bố vỡ hụi. Dây hụi này chị N đóng tiền vốn tổng cộng được số tiền là 10.000.000 đồng, theo hai bản án hình sự tuyên buộc chị T bồi thường cho chị N dây hụi này là 3.640.000 đồng, còn lại 6.360.000 đồng nay chị N khởi kiện yêu cầu chị T, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị N.

Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 11-12-2015 (âm lịch) do chị T làm chủ thảo, chị N tham gia 01 phần. Dây hụi này chị N đóng được 16 lần, sau đó chị T không gom và tuyên bố vỡ hụi. Dây hụi này chị N đóng tiền vốn tổng cộng được số tiền là 9.965.000 đồng, theo hai bản án hình sự tuyên buộc chị T bồi thường cho chị N dây hụi này là 3.640.000 đồng, còn lại 6.325.000 đồng chị N khởi kiện yêu cầu chị T, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị N.

Tổng số tiền mà Chị Châu Oai N khởi kiện yêu cầu chị T, anh T trả số tiền hụi là 21.400.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị T thừa nhận chị N có tham gia 03 dây hụi do chị làm chủ đúng như chị N đã trình bày. Sau khi vỡ hụi, chị còn nợ chị N tiền hụi gốc tổng cộng là 33.855.000 đồng, trong đó bản án hình sự sơ thẩm đã xử buộc chị bồi thường cho chị N 12.455.000 đồng, còn lại 21.400.000 đồng tách ra giải quyết dân sự. Số tiền chị chiếm dụng của các hụi viên sử dụng vào mục đích xoay sở tiền hụi, trả lãi tiền vay, mua đất vợ chồng cùng đứng tên, chi phí chung trong cuộc sống gia đình, lo cho con ăn học. Chị T đồng ý trả nợ cho chị N, không yêu cầu anh T liên đới trả vì anh T không biết chị chiếm dụng tiền hụi của chị N và các hụi viên khác.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản ghi lời khai bị đơn anh Lê Phan Đức T trình bày:

Anh là chồng của chị T, vợ chồng chung sống từ năm 2002 đến nay, có đăng ký kết hôn và có 01 người con chung. Anh biết chị T làm chủ hụi khoảng 4 - 5 năm nay, nhưng không biết những hụi viên nào tham gia, gồm bao nhiêu dây hụi và mệnh giá của từng dây hụi, vì chủ yếu do chị T khai hụi, gom và giao tiền cho hụi viên. Riêng Chị Châu Oai N có tham gia hụi của chị T thì anh có biết vì anh, chị T và chị N có quen biết nhau từ trước. Sau khi chị T bị xét xử hình sự, anh biết tiền hụi mà chị T còn nợ của chị N được tách ra giải quyết về dân sự là 21.400.000 đồng. Nay chị N khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 21.400.000 đồng, anh đồng ý cùng chị T trả số tiền này cho chị N.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Châu Oai N, chị Bùi Thị T, anh Lê Phan Đức T là đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, chị T và anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của chị N, chị T, anh T thống nhất sau khi vỡ hụi chị T còn nợ chị N tổng cộng tiền hụi là 33.855.000 đồng, trong đó bản án hình sự đã xử buộc chị T bồi thường cho chị N số tiền 12.455.000 đồng, còn lại 21.400.000 đồng. Nay chị N yêu cầu chị T, anh T trả 21.400.000 đồng và phía bị đơn chị T và anh T đồng ý cùng trả số tiền nợ này cho chị N nên ghi nhận. Ghi nhận chị N không yêu cầu tính lãi.

[3] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Chị T và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Châu Oai N đối với chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đức T về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Buộc chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đức T có nghĩa vụ trả cho Chị Châu Oai N số tiền hui gốc là 21.400.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ngàn đồng). Ghi nhận chị N không yêu cầu chị T và anh T trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T, anh T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng chị T, anh T còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Chị Bùi Thị T và anh Lê Phan Đức T phải chịu 1.070.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho Chị Châu Oai N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 535.000 đồng theo biên lai thu số **0012863** ngày 09 tháng 01 năm 2019.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Ly